

## KẾ HOẠCH

### Hành động quốc gia về Phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026 - 2030, phương hướng đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết 94/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai Thông qua Đề án phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030 triển khai Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 06-KH/TU ngày 20/10/2025 của Tỉnh ủy Gia Lai về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Căn cứ Quyết định số 358/QĐ-BYT ngày 03/02/2026 của Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu Kế hoạch hành động quốc gia về Phòng chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026-2035

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về Phòng, chống ung thư vú và ung thư cổ tử cung giai đoạn 2026 - 2030, phương hướng đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

## I. TÌNH HÌNH PHÒNG CHỐNG UNG THƯ VÚ VÀ UNG THƯ CỔ TỬ CUNG TỈNH GIA LAI

### 1. Đặc điểm dân số - xã hội

Tỉnh Gia Lai được thành lập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sáp nhập tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai, có vị trí trải dài từ vùng duyên hải Nam Trung Bộ đến cao nguyên Bắc Tây Nguyên. Địa hình đa dạng, bao gồm đồng bằng ven biển, trung du và cao nguyên xen kẽ đồi núi, có hệ thống sông suối, hồ chứa phong phú. Khí hậu phân hóa theo tiểu vùng: vùng duyên hải mang tính nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của bão và mưa lũ; vùng cao nguyên có mùa mưa - mùa khô rõ rệt, thời tiết ôn hòa, thuận lợi cho phát triển nông, lâm nghiệp, chăn nuôi và thủy điện.

Toàn tỉnh có diện tích trên 21.576,53 km<sup>2</sup>, dân số hơn 3,5 triệu người, với 135 xã, phường trực thuộc quản lý cấp tỉnh. Thành phần dân cư đa dạng với hơn 40 dân tộc cùng sinh sống; trong đó, các dân tộc thiểu số như Jrai, Ba Na, Mông, Chăm, H'ê... chiếm tỷ lệ đáng kể và giữ vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Ngoài những điều kiện thuận lợi về kinh tế - xã hội để phát triển lĩnh vực y tế thì việc can thiệp phòng chống các bệnh không lây nhiễm, phòng chống ung thư vú và ung thư cổ còn gặp nhiều khó khăn do địa bàn rộng lớn, có sự chênh lệch đáng kể về điều

kiện kinh tế - xã hội, niềm tin, phong tục tập quán giữa các khu vực, nhiều xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

## **2. Kết quả thực hiện phòng, chống ung thư vú, ung thư cổ tử cung trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Tỉnh Gia Lai đã xây dựng được hệ thống quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm, trong đó có các bệnh ung thư vú (UTV), ung thư cổ tử cung (UTCTC) từ tuyến tỉnh gồm các bệnh viện đa khoa, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật đến cơ sở là các Trung tâm Y tế và Trạm y tế. Hiện tại, 135/135 Trạm y tế xã, phường trên địa bàn tỉnh đều thực hiện theo dõi, quản lý bệnh ung thư, mỗi trạm có 01 cán bộ chuyên trách cùng mạng lưới cộng tác viên thôn bản hỗ trợ truyền thông. Đến tháng 12/2025, tổng số bệnh nhân ung thư được đang quản lý tại cơ sở là 7.892 người.

Hoạt động khám sàng lọc UTCTC tại cộng đồng được Sở Y tế chỉ đạo tổ chức, duy trì thường xuyên. Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh đã tổ chức khám sàng lọc UTCTC cho 178.898 lượt người, phát hiện 269 trường hợp test VIA dương tính để chuyển đến cơ sở y tế khám, theo dõi, điều trị. Trong giai đoạn này toàn tỉnh cũng đã phát hiện 5.716 ca ung thư các loại; trong đó có 476 người mắc UTV và 304 người mắc UTCTC.

Ngoài ra, công tác chăm sóc giảm nhẹ đã triển khai tốt. Trong giai đoạn 2021-2025 có khoảng 2.284 lượt bệnh nhân được hỗ trợ chăm sóc, giảm nhẹ tại cộng đồng. Công tác truyền thông - giáo dục sức khỏe được thực hiện phong phú và đa dạng trên nhiều nền tảng như báo đài, cổng thông tin điện tử (đăng tải 581 tin, 266 bài, 28 phóng sự, phát sóng hàng chục ngàn lượt trên đài truyền thanh). Tại cơ sở, đã tổ chức hàng ngàn buổi hội họp, chuyên đề và phát động với sự tham gia của hàng chục ngàn lượt người; đặc biệt đã tư vấn trực tiếp cho 207.690 người.

Bên cạnh các kết quả đạt được, công tác phòng chống UTV và UTCTC vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, giai đoạn 2021-2025 tỉnh vẫn ghi nhận 120 ca tử vong do UTV và 81 ca do UTCTC. Hoạt động khám sàng lọc UTV, UTCTC chưa được triển khai đồng bộ tại cộng đồng do chi phí thực hiện lớn. Hoạt động sàng lọc bị phụ thuộc vào nguồn vốn viện trợ, dự án hoặc do người dân tự chi trả, dẫn đến độ bao phủ sàng lọc thấp. Một số Trung tâm Y tế, Trạm Y tế còn hạn chế về điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, nhân sự không đảm bảo việc triển khai hoạt động khám phát hiện sớm UTV, UTCTC tại tuyến y tế cơ sở. Điều kiện kinh tế - xã hội nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, phong tục, tập quán của người đồng bào dân tộc thiểu số tại một số địa phương còn lạc hậu và các hoạt động, truyền thông cho các nhóm đối tượng này vẫn chưa thực sự tạo được hiệu quả thay đổi hành vi, khiến tỷ lệ người dân tự nguyện tham gia khám sàng lọc vẫn còn thấp.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Nâng cao hiệu quả dự phòng các cấp, chẩn đoán, điều trị và quản lý sau điều trị UTV và UTCTC, góp phần đưa tỉnh Gia Lai đạt được các mục tiêu của Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá,

tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân cũng như các Mục tiêu Phát triển Bền vững.

Chỉ tiêu phấn đấu đến 2035:

- UTV: Giảm tỷ lệ tử vong do UTV trung bình 2,5% mỗi năm;
- UTCTC: Giảm tỷ lệ mắc mới UTCTC dưới 4/100.000 phụ nữ và giảm tỷ lệ tử vong

## 2. Mục tiêu cụ thể

**a) Mục tiêu cụ thể 1:** Hoàn thiện cơ chế chính sách và hướng dẫn chuyên môn, tăng cường hiệu quả quản lý chương trình phòng chống UTV và UTCTC.

- Kịp thời cập nhật, thống nhất việc triển khai các quy định, hướng dẫn chuyên môn của Trung ương liên quan đến phòng chống UTV, UTCTC, trên địa bàn tỉnh.

- 100 % xã, phường xây dựng và triển khai kế hoạch hành động của địa phương về phòng chống UTV và UTCTC.

**b) Mục tiêu cụ thể 2:** Nâng cao hiệu quả dự phòng đối với UTV và UTCTC.

- Đến năm 2030 có 70% Người trưởng thành được tiếp cận thông tin về UTV, UTCTC (nguy cơ, dấu hiệu, phương pháp dự phòng, sàng lọc) qua các kênh truyền thông phổ biến, hiện đại. Đến năm 2035 phấn đấu số này đạt 90%.

- Đến năm 2030 có ít nhất 90% xã, phường triển khai chương trình truyền thông về UTV, UTCTC thường xuyên, có trọng tâm, phù hợp đặc thù địa phương. Đến năm 2035 phấn đấu số này đạt 100%.

- Đến năm 2030 có ít nhất 90% trẻ em gái 9-15 tuổi được tiêm đủ liều vắc xin HPV tại các địa bàn triển khai theo Kế hoạch thực hiện Lộ trình tăng số lượng vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng của Bộ Y tế. Đồng thời, tiếp tục duy trì tỷ lệ này đến năm 2035.

**c) Mục tiêu cụ thể 3:** Tăng độ bao phủ sàng lọc phát hiện sớm UTV và UTCTC nhằm giảm tỷ lệ tử vong và cải thiện tỷ lệ sống thêm

- Các xã, phường hằng năm tổ chức khám sàng lọc phát hiện sớm UTV và UTCTC cho ít nhất 20% đối tượng trong độ tuổi mục tiêu theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Đến năm 2030 có ít nhất 50% phụ nữ có dấu hiệu nghi ngờ hoặc kết quả sàng lọc bất thường được chẩn đoán xác định trong vòng  $\leq 60$  ngày kể từ lần khám đầu tiên. Đến năm 2035 phấn đấu số này đạt 80%.

- Đến năm 2030 có ít nhất 35% Phụ nữ trong độ tuổi mục tiêu (từ 30 - 49 tuổi) được xét nghiệm sàng lọc UTCTC bằng phương pháp xét nghiệm hiệu năng cao theo Hướng dẫn về Dự phòng và kiểm soát UTCTC. Đến năm 2035 phấn đấu số này đạt 70% đồng thời đảm bảo các đối tượng này được rà soát, xét nghiệm lại trước tuổi 45 vào năm 2035.

**d) Mục tiêu cụ thể 4:** Đảm bảo chất lượng điều trị, chăm sóc liên tục, toàn diện và nhân văn đối với UTV và UTCTC.

- Đến năm 2030 có ít nhất 80% Cơ sở điều trị tỉnh trở lên thực hiện hội chẩn đa chuyên khoa (tumor board) và áp dụng phác đồ điều trị cập nhật theo hướng dẫn chuyên môn. Đến năm 2035 phần đầu số này đạt 100%.

- Đến năm 2030 có ít nhất 70% người bệnh được theo dõi và tái khám định kỳ, quản lý lâu dài sau điều trị theo tiêu chuẩn chuyên môn. Đến năm 2035 phần đầu số này đạt 90%.

- Đến năm 2030 có ít nhất 80% Nhân viên y tế cấp ban đầu được đào tạo về khám sàng lọc, nhận biết dấu hiệu nghi ngờ, tổn thương tiền ung thư và chuyển đúng quy trình. Đến năm 2035 phần đầu số này đạt 100%.

- Đến năm 2030 có ít nhất 80% Cơ sở y tế chuyên khoa ung bướu, sản phụ khoa, đơn vị có chức năng sàng lọc, chẩn đoán, điều trị UTV và UTCTC tất cả các cấp áp dụng phác đồ và hướng dẫn chuyên môn cập nhật. Đến năm 2035 phần đầu số này đạt 100%.

- Đến năm 2030 có ít nhất 40% trường hợp UTV xâm lấn được phát hiện ở giai đoạn sớm (giai đoạn I - II). Đến năm 2035 phần đầu số này đạt 60%.

- Đến năm 2030 có ít nhất 60% người bệnh UTV được điều trị đa mô thức; chăm sóc toàn diện và hoàn thành liệu trình điều trị theo hướng dẫn chuyên môn. Đến năm 2035 phần đầu số này đạt 80%.

- Đến năm 2030 có ít nhất 80% Phụ nữ được chẩn đoán tổn thương tiền ung thư hoặc UTCTC xâm lấn được phát hiện, xử trí đúng theo hướng dẫn chuyên môn. Đến năm 2035 phần đầu số này đạt 90%.

**d) Mục tiêu cụ thể 5:** Đảm bảo nguồn lực tài chính bền vững và công bằng trong tiếp cận dịch vụ.

- Đến năm 2030 có ít nhất 80% xã, phường có bố trí nguồn kinh phí dành riêng cho hoạt động phòng chống UTV, UTCTC. Đến năm 2035 phần đầu số này đạt 100%.

- Đến năm 2030 có ít nhất 80% các chương trình khám sức khỏe định kỳ cho phụ nữ có lồng ghép sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC. Đến năm 2035 phần đầu số này đạt 100%.

**e) Mục tiêu cụ thể 6:** Xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu, và giám sát chương trình phòng chống UTV, UTCTC

- Triển khai có hiệu quả việc xây dựng, lồng ghép vận hành hệ thống thông tin y tế theo hướng kết nối, liên thông, tích hợp hướng đến quản lý cá nhân hóa dữ liệu.

- Đến năm 2030 có ít nhất 70% hồ sơ sức khỏe điện tử của phụ nữ có tích hợp dữ liệu tiêm phòng HPV, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị UTV, UTCTC. Đến năm 2035 phần đầu số này đạt 100%.

- Đến năm 2030 có ít nhất 70% nhân viên y tế tham gia cung cấp dịch vụ phòng chống UTV và UTCTC sử dụng Hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản. Đến năm 2035 phần đầu số này đạt 90%.

- Đến năm 2030 có ít nhất 70% các trường hợp UTV, UTCTC mới được phát hiện được ghi nhận và theo dõi trên Hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản và kết nối với Hệ thống giám sát, ghi nhận ung thư. Đến năm 2035 phần đầu số này đạt 100%.

### **III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

**1. Phạm vi thực hiện:** Trên phạm vi toàn tỉnh.

**2. Đối tượng thực hiện:** Tất cả mọi người dân, trong đó chú trọng đến trẻ em gái, thanh thiếu niên, phụ nữ trên địa bàn tỉnh.

**3. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2026 đến năm 2030.

### **IV. CÁC GIẢI PHÁP VÀ HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Nhóm giải pháp về chính sách và tài chính**

- Thúc đẩy nghiên cứu thực trạng cung cấp bằng chứng cho việc đưa ra các chính sách về phòng chống UTV, UTCTC; nghiên cứu triển khai thí điểm các giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (big data) trong bối cảnh chuyển đổi số.

- Tiếp tục xây dựng, rà soát và bổ sung khung pháp lý, chính sách về phòng chống UTV, UTCTC đảm bảo sự ưu tiên về nguồn lực, triển khai đồng bộ đến từng địa phương về hoạt động dự phòng các cấp. Xây dựng và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật về phòng chống UTV, UTCTC.

- Vận động chính sách nhằm mở rộng danh mục chi trả BHYT cho cả sàng lọc, phát hiện và điều trị sớm UTV, UTCTC theo lộ trình, bảo đảm phụ nữ được tiếp cận dịch vụ miễn phí hoặc đồng chi trả thấp.

- Tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, huy động nguồn lực đầu tư cho công tác dự phòng và sàng lọc UTV, UTCTC từ ngân sách trung ương và địa phương, các đối tác phát triển, khu vực tư nhân và các tổ chức phi chính phủ. Ưu tiên bố trí ngân sách cho vùng khó khăn, miền núi, hải đảo.

- Khuyến khích mở rộng triển khai các phương thức chi trả nhằm tăng khả năng tiếp cận và chất lượng chăm sóc sức khỏe liên quan đến hoạt động phòng chống UTV, UTCTC.

- Lồng ghép sàng lọc phát hiện sớm UTV, sàng lọc và điều trị tiên UTCTC vào các chính sách về chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ (khám sức khỏe định kỳ, Chương trình mục tiêu quốc gia Chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển, các chiến lược, KHHĐQG về phòng chống bệnh không lây nhiễm và chăm sóc sức khỏe phụ nữ...).

- Hỗ trợ phụ nữ nghèo khám, sàng lọc và điều trị sớm UTV, UTCTC thông qua các chương trình, dự án của trung ương và địa phương, hợp tác trong nước và quốc tế, các quỹ nhân đạo, từ thiện...

## **2. Nhóm giải pháp về truyền thông, vận động, giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi**

- Đẩy mạnh truyền thông vận động về tầm quan trọng của công tác sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC cho các nhà hoạch định chính sách, người làm công tác quản lý ở các cấp, các đại biểu dân cử, người có uy tín trong cộng đồng... Huy động sự tham gia của các đoàn thể và tổ chức xã hội, tổ chức chính trị xã hội như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh,... tham gia vào vận động chính sách, nguồn lực và tạo môi trường xã hội thuận lợi cho công tác sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC.

- Đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện đại chúng, mạng xã hội và truyền thông trực tiếp tại cộng đồng; cải tiến nội dung, đa dạng hóa các hình thức và hoạt động truyền thông, chú trọng đến đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán, ngôn ngữ và điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi vùng miền, nhóm dân tộc. Ứng dụng các loại hình truyền thông mới như mạng xã hội, truyền hình tương tác, phát thanh tương tác, sân khấu tương tác... Kết hợp giữa truyền thông tại cộng đồng và truyền thông tại các cơ sở cung cấp dịch vụ. Phát triển các công cụ truyền thông sáng tạo: video tương tác, phần mềm nhắc lịch khám, ứng dụng chatbot tư vấn sức khỏe vú, CTC.

- Phát triển thông điệp truyền thông và triển khai truyền thông - giáo dục sức khỏe theo hướng tập trung vào việc ngăn chặn các yếu tố nguy cơ gây ung thư phát triển trong cộng đồng như thúc đẩy lối sống lành mạnh, dinh dưỡng hợp lý; tăng cường hoạt động thể chất; phòng, chống tác hại của rượu, bia, thuốc lá; thực hành tình dục an toàn. Nhấn mạnh lợi ích của dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm UTV, UTCTC, tập trung vào các hành vi mục tiêu: chủ động tiêm phòng HPV, khám phụ khoa, khám vú và sàng lọc định kỳ; tháo gỡ các rào cản tâm lý, giảm kỳ thị, sợ bị chẩn đoán UTV, UTCTC, nâng cao sự sẵn sàng của phụ nữ trong việc đi khám và chẩn đoán sớm, nhất là tại khu vực nông thôn. Đặc biệt chú trọng đối với những phụ nữ nguy cơ cao bị UTV (trên 40 tuổi, tiền sử gia đình có UTV, béo phì, ít vận động...) và UTCTC (dương tính với HIV, phụ nữ là người nhận ghép tạng, phụ nữ đang sử dụng từ 2 loại thuốc ức chế miễn dịch trở lên...).

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông quy mô quốc gia về phòng chống UTV, UTCTC. Lồng ghép truyền thông vào các chương trình sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và phòng chống bệnh không lây nhiễm. Phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo trong công tác truyền thông cho phụ huynh và nhà trường nhằm tăng tỷ lệ bao phủ tiêm chủng HPV.

- - Nâng cao năng lực thực hiện hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe của cán bộ y tế các cấp, cán bộ các hội, đoàn thể, truyền thông viên tại cộng đồng tham gia vào các hoạt động truyền thông phòng chống UTV, UTCTC.

## **3. Nhóm giải pháp về nhân lực, nâng cao năng lực**

- Đào tạo nhân viên y tế các cấp theo các quy trình đã được chuẩn hóa, đào tạo liên tục, chuyển giao kỹ thuật cho cấp dưới theo phương pháp cầm tay chỉ việc, đào tạo theo kíp về sàng lọc, chẩn đoán, điều trị và theo dõi người bệnh UTV và

UTCTC theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế cũng như các khuyến cáo cập nhật của WHO.

- Đào tạo chuyên sâu về chẩn đoán hình ảnh vú (siêu âm, X-quang vú, MRI) và kỹ thuật sinh thiết lõi, giải phẫu bệnh; tế bào học, soi CTC, điều trị tổn thương sớm CTC; sinh thiết hạch hạch, phẫu thuật bảo tồn, phẫu thuật tạo hình, xạ trị kỹ thuật cao.

- Phát triển các hình thức đào tạo trực , tư vấn, khám, chữa bệnh từ xa bằng công nghệ thông tin nhằm trao đổi thông tin, đào tạo, hội chẩn, tư vấn, hỗ trợ chuyên môn từ các bệnh viện chuyên sâu cho cấp ban đầu.

- Đưa nội dung phòng chống UTV, UTCTC vào chương trình đào tạo tiền lâm sàng cho điều dưỡng, hộ sinh và kỹ thuật viên hình ảnh (đối với UTV).

- Cải thiện chất lượng công tác chỉ đạo chuyên môn về dự phòng, sàng lọc, điều trị UTV, UTCTC; tăng cường giám sát hỗ trợ, thông tin hai chiều; kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn chuyên môn trong lĩnh vực này ở các cơ sở y tế, bao gồm cả các cơ sở y tế công lập, y tế tư nhân.

#### **4. Nhóm giải pháp về cơ sở vật chất, trang thiết bị**

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng và thiết bị y tế để tăng cường năng lực chẩn đoán, điều trị UTV, UTCTC. Đảm bảo cung ứng vật tư, thuốc, sinh phẩm, và duy trì hệ thống bảo trì thiết bị định kỳ phục vụ cho dự phòng, sàng lọc và điều trị UTV, UTCTC.

- Trang bị máy X-quang vú kỹ thuật số, máy siêu âm, thiết bị sinh thiết, xét nghiệm mô bệnh học cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản trở lên.

- Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho phòng chống UTCTC tại cấp cơ bản, cấp ban đầu, đặc biệt các Trạm Y tế để đảm bảo công tác khám, sàng lọc ban đầu về UTCTC.

- Cung cấp trang thiết bị cần thiết (hệ thống áp lạnh, máy LEEP, máy soi CTC...) cho cơ sở y tế cấp cơ bản trở lên đủ khả năng điều trị tổn thương CTC và tiền UTCTC.

- Đầu tư, nâng cấp và phát triển các cơ sở khám chữa bệnh chuyên ngành sản phụ khoa, ung thư của các bệnh viện chuyên sâu nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc giảm nhẹ người bệnh UTV, UTCTC.

#### **5. Nhóm giải pháp về chuyên môn kỹ thuật, khoa học và công nghệ**

- Phát triển, cập nhật các hướng dẫn chuyên môn, quy trình kỹ thuật, tài liệu đào tạo; xây dựng tiêu chuẩn chất lượng trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị, sau điều trị, tái khám và phục hồi chức năng, phát triển hỗ trợ tâm lý, chăm sóc giảm nhẹ, chăm sóc giảm đau, tư vấn dinh dưỡng.

- Chuẩn hóa quy trình hội chẩn đa chuyên khoa tại tất cả cơ sở điều trị tuyến tỉnh.

- Phân đầu phát triển Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh Gia Lai thành trung tâm vùng hỗ trợ chuyên môn, kỹ thuật và hội chẩn từ xa cho các cơ sở trong khu vực.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông kết hợp cung cấp dịch vụ sàng lọc, điều trị tổn thương tiền ung thư lưu động tại vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, khu công nghiệp...

- Xây dựng mô hình quản lý điều trị từ xa (telemedicine) và hệ thống cảnh báo tái khám tự động cho người bệnh sau điều trị.

- Triển khai tư vấn, hỗ trợ chuyên môn qua các nền tảng số.

- Xây dựng phần mềm/trang web tra cứu thông tin cho nhân viên y tế về các văn bản, quy trình sàng lọc, chẩn đoán, điều trị bệnh.

- Nghiên cứu triển khai thuật toán phân tầng nguy cơ và dự báo tiên lượng UTV dựa trên dữ liệu hình ảnh và bệnh học.

- Nghiên cứu, thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong đọc và phân tích hình ảnh X-quang vú, hỗ trợ phát hiện sớm bất thường.

- Thí điểm triển khai 05 mô hình khám sàng lọc, chẩn đoán, điều trị và quản lý dữ liệu UTV trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu quốc gia Chăm sóc sức khỏe, Dân số và phát triển, làm cơ sở nhân rộng toàn quốc.

- Triển khai hiệu quả việc đưa vắc-xin HPV vào chương trình Tiêm chủng mở rộng đúng lộ trình cho trẻ em gái theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Bên cạnh đó, tăng cường triển khai cung cấp vắc-xin HPV với mức giá ưu đãi cho nhóm đối tượng nguy cơ cao khác ngoài nhóm đối tượng tiêm chủng mở rộng nhằm khuyến khích người dân tự nguyện phòng bệnh UTCTC.

- Triển khai thực hiện chương trình sàng lọc tùy theo sẵn có của test sàng lọc, năng lực cụ thể của các cơ sở y tế theo hướng dẫn chuyên môn cập nhật như: xét nghiệm HPV DNA đầu tay đơn lẻ, hoặc HPV mRNA, hoặc xét nghiệm tế bào học, hoặc VIA, hoặc cotesting (xét nghiệm HPV nguy cơ cao phối hợp tế bào học) được chỉ định cho các phụ nữ trong độ tuổi 21-65 tuổi, đã quan hệ tình dục, ưu tiên cho nhóm phụ nữ trong độ tuổi 30 - 49 tuổi. Ưu tiên triển khai các kỹ thuật xét nghiệm HPV từ bệnh phẩm do nhân viên y tế lấy hoặc người phụ nữ tự lấy. Tiếp tục các chương trình sàng lọc bằng tế bào CTC đảm bảo chất lượng cho đến khi xét nghiệm HPV DNA sẵn sàng.

- Nâng cao chất lượng điều trị UTCTC, xây dựng hệ thống chuyển phù hợp. Các bệnh viện đa khoa tỉnh có kế hoạch kết nối nhằm giảm thiểu tiêu tốn nguồn lực và thống nhất phác đồ điều trị.

## **6. Nhóm giải pháp về ghi nhận thông tin, theo dõi và giám sát**

- Cập nhật bộ chỉ số, công cụ theo dõi, giám sát, đánh giá về công tác phòng chống UTV, UTCTC theo khuyến cáo của WHO (tỷ lệ sàng lọc, tỷ lệ phát hiện sớm, thời gian chẩn đoán  $\leq 60$  ngày, tỷ lệ hoàn thành điều trị, tỷ lệ tử vong đối với UTV; tỷ lệ được tiêm phòng HPV, tỷ lệ sàng lọc, tỷ lệ điều trị đối với UTCTC...).

- Tăng cường và nâng cao chất lượng theo dõi và giám sát bao gồm cả giám sát lồng ghép và hỗ trợ sau đào tạo trong triển khai trên diện rộng, trao đổi thông tin 2 chiều, đặc biệt cấp trên - cấp dưới đảm bảo theo dõi chương trình, kiểm tra độ bao phủ, hiệu quả và tác động.

- Lồng ghép việc ghi nhận thông tin về sàng lọc UTV, UTCTC vào Hệ thống thông tin sức khỏe sinh sản; duy trì, phát triển Hệ thống giám sát, ghi nhận ung thư (bao gồm UTV và UTCTC). Kết nối, chia sẻ thông tin giữa hai hệ thống.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số, AI trong thống kê, báo cáo; nâng cao năng lực thông qua hình thức tập huấn/đào tạo cho đội ngũ làm công tác thống kê, báo cáo nhằm nâng cao chất lượng thông tin, dữ liệu thu thập. Triển khai báo cáo điện tử tự động từ cấp xã lên cấp trung ương qua nền tảng y tế số quốc gia.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia tích hợp đồng bộ cả công và tư, cá nhân hóa theo mã định danh và hồ sơ sức khỏe để theo dõi, quản lý thông tin từ lúc tiêm chủng, qua các lần sàng lọc, đến chẩn đoán và điều trị.

- Đào tạo nhân viên y tế sử dụng phần mềm quản lý, phân tích dữ liệu, đảm bảo bảo mật thông tin.

- Tổ chức giám sát định kỳ, đánh giá hiệu quả và báo cáo tổng hợp, cập nhật dữ liệu lên Hệ thống giám sát, ghi nhận ung thư (bao gồm UTV và UTCTC).

## **VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí từ ngân sách nhà nước bố trí theo quy định, vốn lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương để triển khai thực hiện Kế hoạch; bố trí đủ nhân lực thực hiện công tác phòng chống các bệnh không lây nhiễm, ung thư theo quy định.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Y tế**

- Là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã/phường tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này theo mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu và nội dung của Kế hoạch này, tham mưu cụ thể hóa nội dung của từng năm, thực hiện sơ kết hàng năm, 03 năm và tổng kết theo quy định; trên cơ sở mục tiêu và nội dung của Kế hoạch lập dự toán và đề xuất các nguồn kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính và các cơ quan liên quan để phối hợp rà soát, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí dự toán ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước.

- Hướng dẫn các địa phương thực hiện Kế hoạch hành động, xây dựng kế hoạch lồng ghép hoạt động dự phòng, sàng lọc UTV, UTCTC vào các chương trình,

dự án triển khai trên địa bàn. Hướng dẫn việc tổ chức triển khai các hoạt động dự phòng, truyền thông giáo dục sức khỏe, giám sát, sàng lọc phát hiện sớm, quản lý bệnh tại cộng đồng; công tác tiêm vắc-xin HPV trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng quốc gia theo Lộ trình mở rộng, đồng thời tăng cường công tác giám sát các yếu tố nguy cơ và mô hình bệnh tật tại cộng đồng.

- Chủ trì, phối hợp với Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai để xây dựng, phát sóng các chuyên mục, chuyên đề về UTV, UTCTC. Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các cơ quan liên quan lồng ghép các nội dung phòng chống UTV, UTCTC vào các chương trình, đề án liên quan đến phụ nữ, bà mẹ và trẻ em để triển khai các hoạt động thực tế, hiệu quả.

- Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe về phòng, chống UTV, UTCTC; xây dựng, phổ biến các thông điệp và tài liệu truyền thông chuẩn hóa về dự phòng, sàng lọc phát hiện sớm; theo dõi, đánh giá hiệu quả hoạt động truyền thông đề đề xuất điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả triển khai; định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện Kế hoạch này; báo cáo Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan về kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

## **2. Sở Tài chính**

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán cho năm sau, trên cơ sở dự toán của các đơn vị liên quan xây dựng gửi Sở Tài chính theo đúng quy định, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối theo khả năng ngân sách tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

## **3. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Phối hợp với Ngành Y tế tổ chức tuyên truyền, vận động và triển khai chiến dịch tiêm chủng vắc xin HPV cho trẻ em gái trong độ tuổi học đường tại các cơ sở giáo dục sau khi Bộ Y tế hướng dẫn triển khai.

- Tích hợp nội dung giáo dục về sức khỏe sinh sản, nhận biết sớm các dấu hiệu nghi ngờ UTV và UTCTC vào chương trình giáo dục thể chất, kỹ năng sống cho học sinh nữ và giáo viên.

- Phối hợp tuyên truyền, vận động phụ huynh học sinh về tầm quan trọng của việc tiêm chủng vắc xin HPV và khám sàng lọc định kỳ cho phụ nữ.

## **4. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội và các nền tảng số để phổ biến kiến thức, các địa điểm khám sàng lọc và hỗ trợ điều trị cho Nhân dân.

- Phối hợp với Sở Y tế quản lý các nội dung quảng cáo liên quan đến khám, chữa bệnh ung thư, đảm bảo thông tin chính xác, khoa học.

- Ưu tiên phê duyệt và hỗ trợ kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo (AI) trong chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm sàng lọc sớm UTV và UTCTC.

### **5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh ưu tiên thời lượng, vị trí đăng tải các thông điệp truyền thông về phòng chống UTV và UTCTC.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện lồng ghép tuyên truyền về lối sống lành mạnh, tăng cường vận động thể chất để giảm thiểu các yếu tố nguy cơ gây ung thư vào các phong trào văn hóa, thể thao quần chúng và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

### **6. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Y tế rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách thu hút nhân lực y tế chuyên ngành ung bướu, sản phụ khoa về làm việc tại các cơ sở y tế tuyến cơ sở, đặc biệt là tại 135 xã, phường sau khi sáp nhập địa giới hành chính.

### **7. Sở Dân tộc và Tôn giáo**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế tổ chức các chiến dịch truyền thông đặc thù bằng tiếng dân tộc địa phương để vận động phụ nữ dân tộc thiểu số xóa bỏ hủ tục, không ngại ngần trong việc đi khám sàng lọc phụ khoa và tầm soát ung thư.

- Lồng ghép nội dung phòng chống UTV, UTCTC vào các chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn mới.

### **8. Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai**

- Phối hợp với Sở Y tế để xây dựng các chuyên mục, phóng sự chuyên sâu về các gương điển hình vượt qua bệnh tật, các bác sĩ chuyên khoa tư vấn về phương pháp dự phòng và tầm quan trọng của việc phát hiện ung thư ở giai đoạn sớm.

- Tăng cường thời lượng phát sóng vào các khung giờ vàng để tiếp cận tối đa đối tượng phụ nữ và người dân vùng sâu, vùng xa.

### **9. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Căn cứ Kế hoạch, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phù hợp với đặc điểm của địa phương, theo hướng dẫn của các ngành chức năng, phù hợp với kế hoạch chung của tỉnh.

- Bố trí ngân sách địa phương và tăng cường xã hội hóa, huy động nguồn lực và phối hợp liên ngành nhằm thông tin, tuyên truyền về phòng, chống UTV, UTCTC và để hỗ trợ các hoạt động sàng lọc UTV, UTCTC tại cộng đồng.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ danh sách phụ nữ trong độ tuổi mục tiêu trên địa bàn để triển khai các biện pháp dự phòng, truyền thông can thiệp trúng đích, không bỏ sót đối tượng.

- Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn quản lý.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh**

- Tăng cường phối hợp với Ngành Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; tuyên truyền về phòng, chống UTV, UTCTC cho hội viên và cộng đồng.

- Huy động nguồn lực xã hội, phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội; đề xuất các chính sách nhằm bảo đảm việc thực thi có hiệu quả Kế hoạch và các chương trình, đề án về phòng, chống UTV, UTCTC trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường vai trò làm nòng cốt trong việc tuyên truyền, vận động hội viên chủ động đi khám sàng lọc định kỳ phòng, chống UTV, UTCTC của Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp.

**11. Các sở, ban, ngành liên quan:** Phối hợp với Sở Y tế tổ chức triển khai Kế hoạch này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và PTTT Gia Lai;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, V1, V4, V6.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Thanh Lịch**